

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST

Ngày: 19/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa: Ông **Đỗ Phú Phước**

Các Hội Thẩm Nhân Dân: Bà **Vũ Thị Minh Huệ** và ông **Nguyễn Thanh Hoàng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Đức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 27/2021/HSST ngày 16/3/2021 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 22/3/2021, đối với bị cáo:

NGUYỄN TẤN P, sinh năm 1997 tại Bình Thuận; tên gọi khác: Lụi

HKTT: Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Cha: Nguyễn Hoài Mộng Đ, sinh năm 1972, mẹ Hồ Thị N, sinh năm: 1971; hiện trú tại: Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Gia đình chỉ có một mình bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Bị hại: Sơn Vũ L**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Lê Văn T, Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

Trần Anh K, Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

Lê Trung T, Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

Đỗ Duy N, Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

“NỘI DUNG VỤ ÁN:”

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/10/2019, Nguyễn Tấn P cùng bạn gái là Võ M đi taxi đến quán cà phê Miền Đông Thảo thuộc khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã La Gi để uống cà phê. Tại đây, P gọi điện thoại cho Sơn Vũ L đến uống cà phê. Khoảng 30 phút sau, L điều khiển xe Exciter màu xanh đen, biển kiểm soát 86B6 – 375.77 đến. Trong lúc uống cà phê, P nảy sinh ý đồ chiếm đoạt xe của L. Do biết Lâm có sử dụng ma túy nên P nói dối với L là mượn xe để đi mua ma túy về sử dụng và được L đồng ý.

Sau khi được L giao xe, P không đi mua ma túy mà chở M đi ngoài đường để tìm chỗ tiêu thụ xe nhưng không được. Đến tối cùng ngày, P chở M đến nhà Lê Văn T nhờ T chỉ giúp chỗ cầm cố xe và nói với T giấy tờ xe để ở nhà. Tuy nhiên, T không biết chỗ nên dẫn P qua nhà Trần Anh K để nhờ K tìm chỗ cầm xe. Khi gặp K, P cũng nói là giấy tờ xe để ở nhà đang cần tiền gấp nên nhờ K cầm xe dùm thì K đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe 86B6 – 375.77 đến khu vực ngã tư Quân Cảnh gặp Lê Trung T và đưa xe cho T đi cầm giúp. T điều khiển xe đến xã T, huyện Hn cầm xe cho một người tên Đ không rõ nhân thân lai lịch được 3.000.000 đồng và đón taxi về đưa tiền cho K, được K cho 200.000 đồng. Sau đó K đi taxi về đưa cho P 2.000.000 đồng và nói dối là chỉ cầm được 2.000.000 đồng. Phong trả tiền taxi cho K và cho K thêm 200.000 đồng

Chiều ngày 27/10/2019 P gặp K xin số điện thoại của T và gọi cho T để thỏa thuận cầm xe lấy thêm 1.000.000 đồng nữa thì T đồng ý. Sau đó, T đến gặp Đ lấy 1.000.000 đồng rồi chạy lên đưa cho P nhưng P chỉ lấy 500.000 đồng. Đến tối cùng ngày, P điện thoại cho T tiếp tục cầm xe lấy thêm tiền thì T nói giờ chỉ bán luôn chứ không cầm thêm được nữa thì P đồng ý. Lúc này T hỏi giấy tờ xe đâu thì P nói là xe siết nợ của bạn, còn giấy tờ đã bị mất. Sau đó, T liên hệ với Đỗ Duy N về việc bán xe thì N đồng ý mua xe 86B6 – 375.77 với giá 7.000.000 đồng. T cùng N lên chỗ Đ để chuộc xe với số tiền 4.500.000 đồng còn 2.500.000 đồng thì T đưa cho P và P cho Thuận 500.000 đồng. Sau khi mua xe, N khai bán cho một người tên T không rõ nhân thân lai lịch ở xã T, huyện Hàm Tân với giá 11.000.000 đồng. Toàn bộ tiền cầm cố và bán xe P sử dụng tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết.

Sau khi cho P mượn xe, L không thấy P quay lại nên L nhiều lần gọi điện cho P nhưng không liên lạc được đến ngày 09/6/2020 thì L đến Công an thị xã L tố cáo P.

Vật chứng vụ án là xe mô tô 86B6 – 375.77, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Căn cứ vào hồ sơ xe nêu trên do L cung cấp Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi kết luận tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL-ĐGTS ngày 10/8/2020: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển kiểm soát 86B6 – 375.77 có giá trị 45.416.667 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra xác định My không tham gia vào hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của P; T, K, T và N không biết xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý.

Phản dân sự: Người bị hại yêu cầu P bồi thường giá trị xe là 45.416.667 đồng, hiện P chưa bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 16/3/2021 của VKSND thị xã La Gi đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã xác định bị cáo P là người có đầy đủ sức khỏe, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn vi phạm. Bị cáo P đã có lời nói gian dối làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản để chiếm đoạt, giá trị tài sản chiếm đoạt theo định giá là 45.416.667 đồng. Vì vậy, lần chiếm đoạt này đã cấu thành tội phạm như quyết định truy tố, do đó VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù

Phản dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 45.416.667 đồng là giá trị xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, qua đó, bị cáo nhận tội như cáo trạng của VKS truy tố và đề nghị HĐXX căn cứ pháp luật giải quyết.

“NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:”

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các

hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Tấn P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ngày 26/10/2019 khi biết bị hại là người có sử dụng ma túy Phong đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của Sơn Vũ L. Để đạt được mục đích P đã có hành vi dùng lời nói gian dối là mượn xe đi mua ma túy về sử dụng, nhưng thực tế bị cáo không có ý thức mượn, không có ý định hoàn trả sau khi mượn mà đã có ý thức chiếm đoạt từ trước. Do tin lời bị cáo, bị hại đã giao tài sản cho bị cáo, vì có mục đích chiếm đoạt trước đó nên khi anh L giao tài sản, bị cáo điều khiển xe mô tô đi tìm chỗ tiêu thụ. Bị cáo đã hoàn thành tội phạm ngay từ khi lấy được tài sản từ người bị hại. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt là 45.416.667 nên hành vi phạm tội của bị cáo lần này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 BLHS.

VKSND thị xã La Gi căn cứ vào hành vi thực tế là bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt tài sản của người bị hại, để đạt mục đích bị cáo đã có hành vi dùng lời nói gian dối làm cho bị hại tin là thật để giao tài sản. Căn cứ buộc tội trên là phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo và phù hợp với lời khai người bị hại về thời gian, địa điểm và loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt nên HĐXX cần chấp nhận căn cứ buộc tội mà VKS đưa ra đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên còn thể hiện bản chất tham lam, coi thường kỷ cương pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vật chứng vụ án hiện không thu hồi được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại do đó HĐXX cần xử lý nghiêm.

Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Đây là tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS nên HĐXX cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các đối tượng khác VKS không truy tố trong vụ án này nên HĐXX không xét

Phần dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 45.416.667 đồng, số tiền này tương đương với giá trị xe mô tô mà Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận và bị cáo cũng đồng ý chấp nhận bồi thường nên HĐXX ghi nhận.

Về án phí, bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH

***Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

***Căn cứ:** Khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn P **18** (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Căn cứ:** Điều 46 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586 BLDS.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Sơn Vũ số tiền **45.416.667** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***Căn cứ:** Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 2.270.833 đồng án phí DSST.

Án xử công khai, báo cho bị cáo và bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND, CA thị xã La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS La Gi;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước

